

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

**BÀI: Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường Nhật Bản trong
tháng 8/2024**

THUỘC NHIỆM VỤ

**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
hiệp định CPTPP năm 2024”**

Hà Nội, 2024

Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường Nhật Bản trong tháng 8/2024

Theo báo cáo của Văn phòng Nội các Nhật Bản, tổng sản phẩm trong nước (GDP) trong quý II/2024 của Nhật Bản đã tăng 2,9% so với cùng kỳ năm ngoái, chỉ thấp hơn một chút so với mức 3,1% được công bố sơ bộ trước đó. Đây là một sự khởi sắc đáng ghi nhận, đặc biệt khi xét đến bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều khó khăn.

Một yếu tố quan trọng trong sự hồi phục này là sự tăng cường của đồng yên. Trong những tuần đầu tháng 9, đồng yên đã mạnh lên đáng kể, đạt mức cao nhất trong năm 2024, điều này không chỉ phản ánh niềm tin vào sự phục hồi của nền kinh tế mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động xuất khẩu.

Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng Nhật Bản đã phải trải qua giai đoạn khó khăn trong quý I/2024, khi nhu cầu nội địa bị ảnh hưởng bởi lạm phát cao và các vấn đề phát sinh. Bất chấp những thách thức đó, triển vọng cho quý III/2024 vẫn sáng sủa, với dự báo tăng trưởng đạt 1,7%.

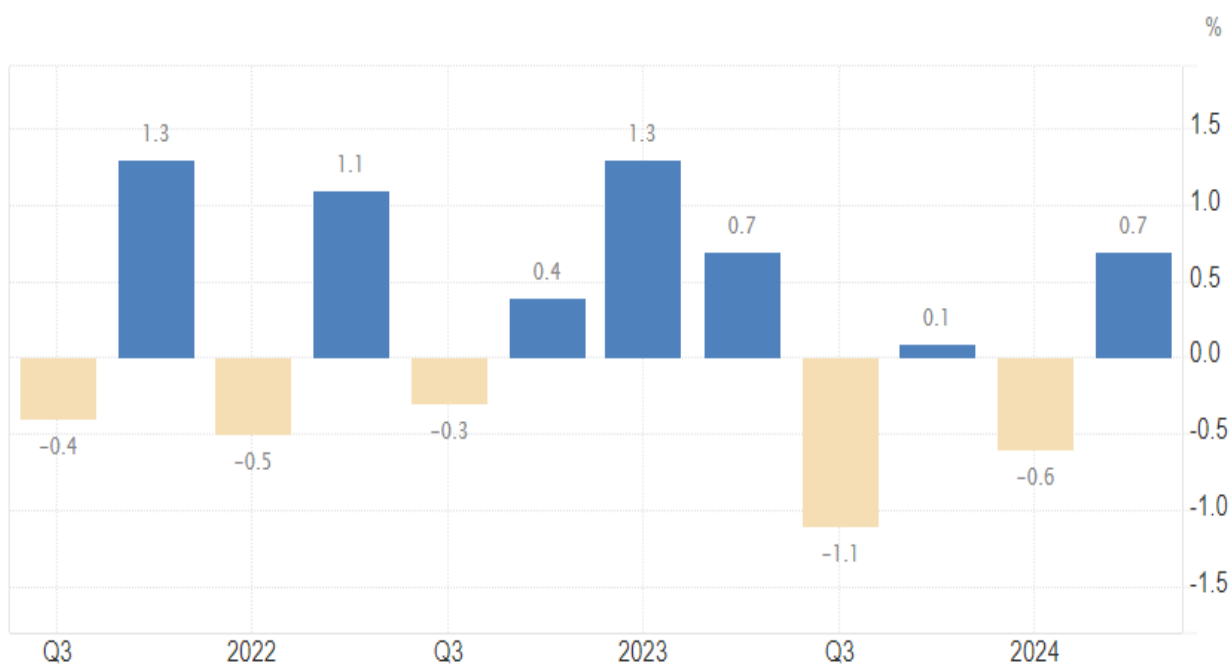
Sự phục hồi này không chỉ có ý nghĩa đối với Nhật Bản mà còn tạo ra những ảnh hưởng tích cực đối với nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

- Tăng trưởng GDP

Theo số liệu thống kê từ Tradingeconomics, GDP của Nhật Bản tăng 0,7% theo quý trong quý II/2024, so với dữ liệu nhanh và ước tính của thị trường là tăng 0,8% và sau khi giảm 0,6% được điều chỉnh nhẹ trong quý 1. Đây là mức tăng trưởng theo quý mạnh nhất kể từ II/2023. Ngoài ra, đầu tư kinh doanh tăng 0,8%, chi tiêu của chính phủ tăng 0,1%. Thương mại ròng giảm 0,1% điểm phần trăm, vì xuất khẩu tăng ít hơn nhập khẩu.

Biểu đồ 1: GDP của Nhật Bản

(ĐVT: %)



Nguồn: Trading Economics

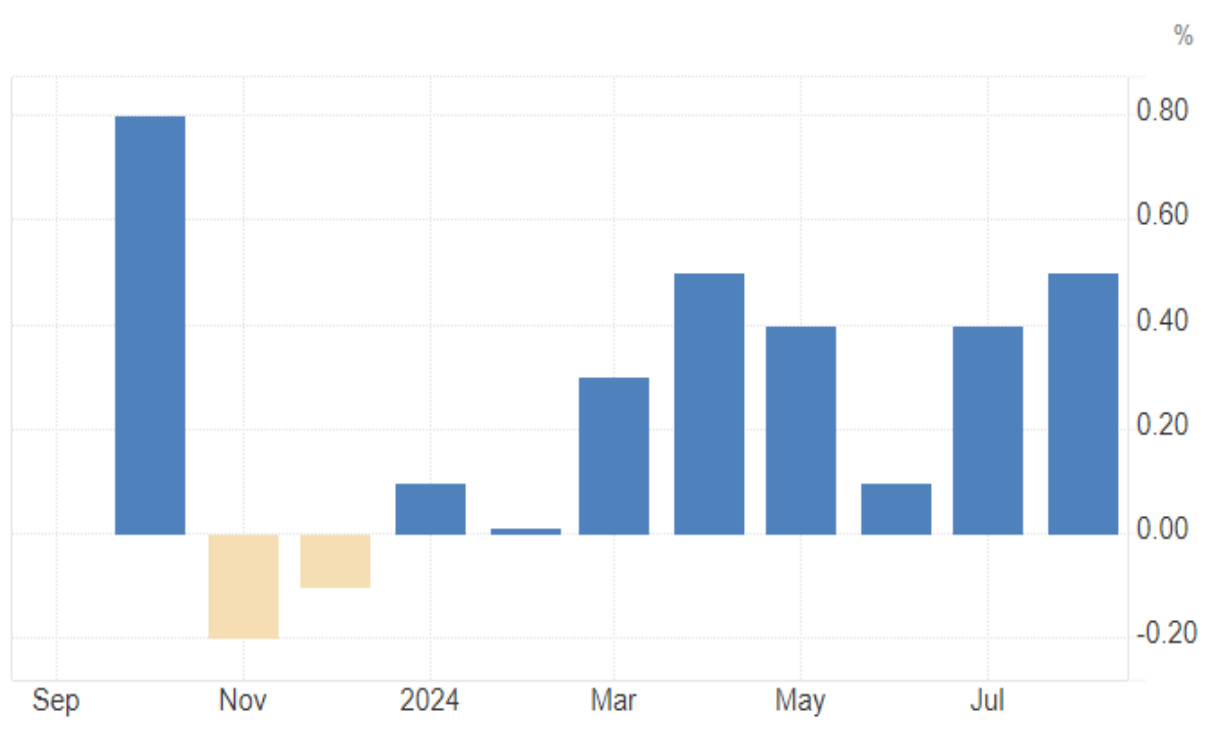
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Trong tháng 8 năm 2024, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Nhật Bản đã ghi nhận sự gia tăng mạnh mẽ, đạt mức 109,10 điểm, tăng từ 108,60 điểm trong tháng 7. Sự tăng trưởng này không chỉ phản ánh xu hướng lạm phát gia tăng mà còn là một dấu hiệu cho thấy sức mua của người tiêu dùng đang có chiều hướng hồi phục, một yếu tố quan trọng trong bối cảnh nền kinh tế Nhật Bản đang dần phục hồi sau nhiều tháng ảm đạm.

Sự gia tăng của chỉ số CPI trong tháng 8/2024 không chỉ phản ánh những thay đổi trong giá cả hàng hóa mà còn là một chỉ báo quan trọng về tình hình kinh tế hiện tại của Nhật Bản. Sự gia tăng của chỉ số CPI trong tháng 8/2024 đang cho thấy những tín hiệu từ nền kinh tế Nhật trong quá trình chuyển mình, từ những khó khăn trước đây đến một giai đoạn hồi phục ổn định hơn.

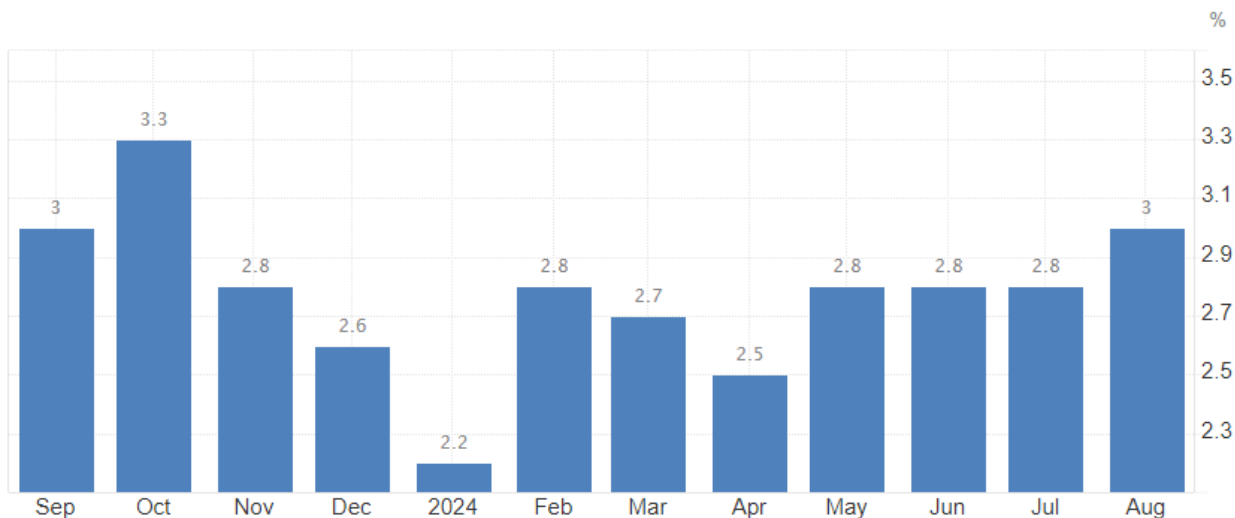
Biểu đồ 2: CPI Nhật Bản trong giai đoạn 2023 - 2024

(ĐVT: điểm)



Nguồn: Trading Economics

Biểu đồ 3: Lạm phát Nhật Bản trong giai đoạn 9/2023 – 8/2024 (ĐVT: %)



Nguồn: Trading Economics

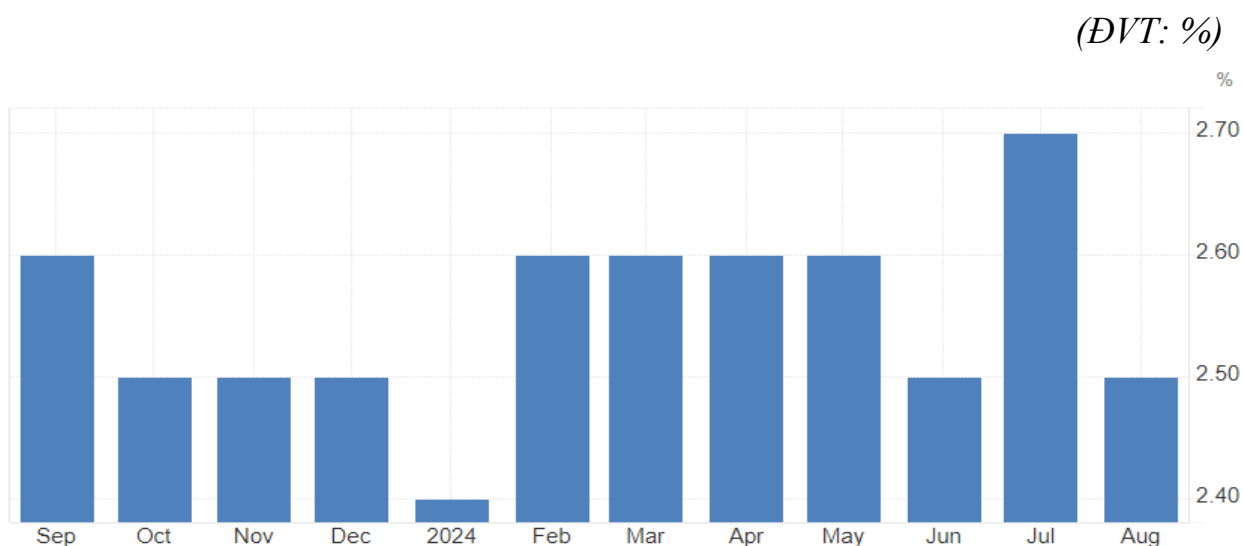
Tỷ lệ lạm phát hàng năm tại Nhật Bản đã tăng lên 3,0% vào tháng 8/2024 từ mức 2,8% trong ba tháng trước đó, cho thấy mức cao nhất kể từ tháng 10/2023. Giá

điện tăng nhiều nhất kể từ tháng 3/1981 (26,2% so với 22,3% vào tháng 7) và giá khí đốt tăng với tốc độ nhanh nhất trong 1 năm rưỡi (11,1% so với 7,4%) sau khi trợ cấp năng lượng kết thúc hoàn toàn vào tháng 5. Hơn nữa, chi phí tăng tốc đối với thực phẩm (3,6% so với 2,9%), nhà ở (0,7% so với 0,6%), đồ nội thất và đồ dùng gia đình (5,2% so với 3,7%), quần áo (2,3% so với 2,2%) và văn hóa (4,8% so với 4,4%). Đồng thời, lạm phát không đổi đối với chăm sóc sức khỏe (ở mức 1,5%) nhưng giảm đối với giao thông (0,2% so với 1,2%). Trong khi đó, giá cả giảm đối với ngành truyền thông (-2,4% so với -2,3%) và giáo dục (-1,0% so với -1,0%).

- Tỷ lệ thất nghiệp

Tỷ lệ thất nghiệp của Nhật Bản đã giảm xuống 2,5% vào tháng 8 năm 2024 từ mức đỉnh 11 tháng là 2,7% của tháng 7, thấp hơn dự báo của thị trường là 2,6%. Số người thất nghiệp đã giảm 150 nghìn xuống mức thấp nhất trong 7 tháng là 1,72 triệu trong khi việc làm tăng 250 nghìn lên mức cao kỷ lục là 67,91 triệu. Nhìn chung, tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống còn 2,5% không chỉ là một tín hiệu tích cực về tình hình kinh tế, mà còn là minh chứng cho những nỗ lực của chính phủ Nhật Bản trong việc thúc đẩy tăng trưởng việc làm và nâng cao chất lượng lao động.

Biểu đồ 3: Tỷ lệ thất nghiệp của Nhật Bản trong giai đoạn 2023 - 2024



Nguồn: Trading Economics

Tình hình thương mại của thị trường

Trong 7 tháng đầu năm 2024, tình hình thương mại của Nhật Bản đã có những diễn biến đáng chú ý. Xuất khẩu và nhập khẩu của Nhật Bản đều có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước. Nhật Bản vẫn phải đối mặt với những thách thức từ sự biến động của giá cả hàng hóa trên thế giới, trong bối cảnh chung của thế giới.

- Về xuất khẩu

Theo số liệu thống kê từ ITC, trong tháng 7/2024, xuất khẩu hàng hóa của Nhật Bản đến thế giới đạt 60,92 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng 6/2023 nhưng giảm 1,53% so với tháng 7/2023. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hàng hóa của Nhật Bản đến thế giới đạt 399,43 tỷ USD, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong đó, Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn thứ 10 của Nhật Bản trong 7 tháng đầu năm 2024, với trị giá xuất khẩu trong tháng 7/2024 đạt 1,39 tỷ USD, giảm 0,79% so với tháng trước và giảm 2,17% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 7 tháng đầu năm, Nhật Bản đã xuất khẩu sang Việt Nam tổng 9,62 tỷ USD, tăng 3,01% so với cùng kỳ 2023, chiếm tỷ trọng 2,41% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Nhật Bản ra thế giới, cao hơn mức tỷ trọng 2,26% của cùng kỳ năm trước.

- Về nhập khẩu

Theo số liệu thống kê của Trademap, trong tháng 7/2024, nhập khẩu hàng hóa của Nhật Bản từ thế giới đạt 64,91 tỷ USD, tăng 13,94% so với tháng trước đó và tăng 4,15% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 7 tháng đầu năm, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Nhật Bản từ thế giới đạt 425,04 tỷ USD, giảm 8,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, Việt Nam là nguồn cung hàng hóa lớn 8 của Nhật Bản với trị giá nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam trong tháng 7/2024 đạt 2,54 tỷ USD, tăng 26,63% so với tháng trước và tăng 20,09% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 7 tháng đầu năm, Nhật Bản đã nhập khẩu từ Việt Nam tổng 15,13 tỷ USD, tăng 2,21% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 3,56% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Nhật Bản từ thị trường thế giới, cải thiện hơn so với mức tỷ trọng 3,18% của cùng kỳ năm 2023.

Bảng 1: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Nhật Bản trong tháng 7/2024

Thị trường NK	Tháng 7/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 6/2024 (%)	So với Tháng 7/2023 (%)	7 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 7 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 7 Tháng 2024 (%)	Tỷ trọng 7 Tháng 2023 (%)
Tổng	64.910,02	13,94	4,15	425.044,78	-8,80	100	100
Trung Quốc	14.538,96	16,87	8,02	93.581,46	-7,41	22,02	21,69
Hoa Kỳ	7.398,53	8,10	7,53	50.805,56	2,45	11,95	10,64
Úc	4.755,96	23,77	-7,49	30.838,71	-25,98	7,26	8,94
Đài Loan (TQ)	2.888,45	17,19	-9,10	17.550,43	-17,84	4,13	4,58
UAE	2.853,15	7,36	10,35	21.407,14	3,93	5,04	4,42
Hàn Quốc	2.796,38	11,15	8,76	17.550,93	-1,21	4,13	3,81
Á rập Xê út	2.608,22	33,30	0,08	17.368,26	-11,58	4,09	4,21
Việt Nam	2.544,71	26,63	20,09	15.132,64	2,21	3,56	3,18
Thái Lan	2.241,31	12,13	-0,84	14.288,74	-6,75	3,36	3,29
Indonesia	1.865,58	-4,30	2,32	13.227,38	-12,60	3,11	3,25
Đức	1.666,18	-6,33	-21,11	11.895,62	-12,60	2,80	2,92
Malaysia	1.644,87	28,45	20,12	11.009,40	-10,15	2,59	2,63

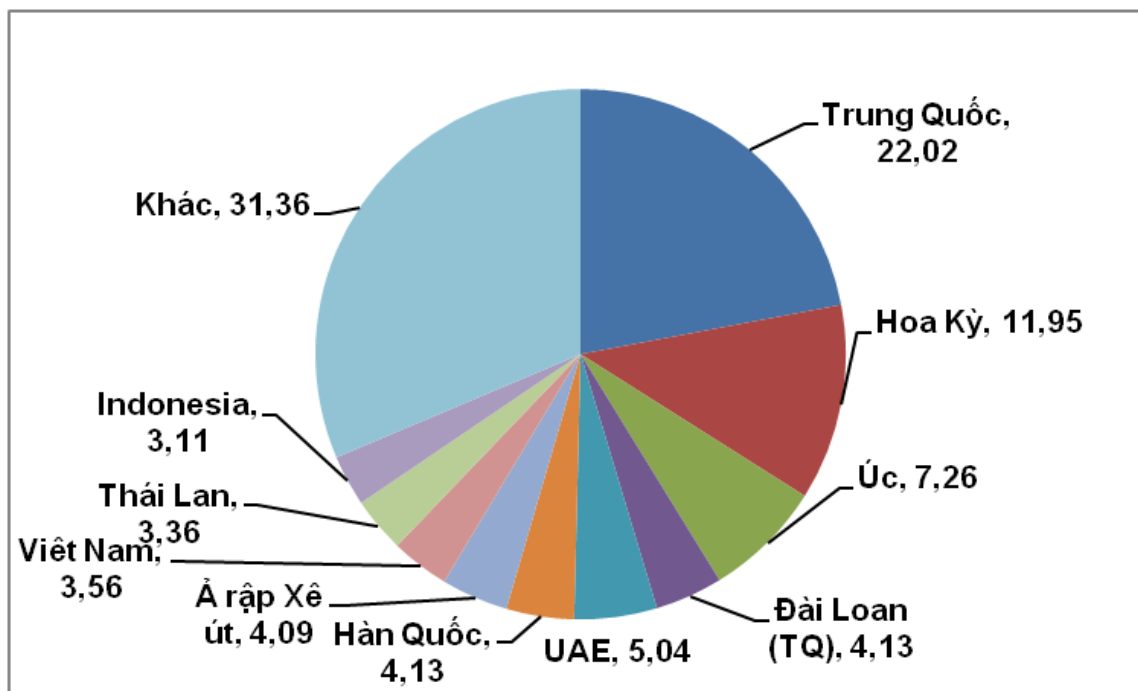
Thị trường NK	Tháng 7/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 6/2024 (%)	So với Tháng 7/2023 (%)	7 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 7 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 7 Tháng 2024 (%)	Tỷ trọng 7 Tháng 2023 (%)
Italy	1.156,76	7,97	6,57	7.104,49	3,84	1,67	1,47
Canada	1.044,10	-3,46	7,69	7.670,87	-12,34	1,80	1,88
Pháp	892,69	13,77	-11,77	6.216,85	3,29	1,46	1,29
Brazil	860,43	28,23	8,35	5.572,62	-11,61	1,31	1,35
Thụy Sĩ	847,92	17,56	7,04	4.831,19	-4,13	1,14	1,08
Philippines	823,39	7,25	-5,42	5.392,50	-14,08	1,27	1,35
Anh	780,10	22,74	14,34	4.359,64	4,10	1,03	0,90
Chile	732,36	27,77	17,53	4.596,43	-9,99	1,08	1,10
Singapore	648,94	2,08	6,49	4.260,96	-13,49	1,00	1,06
Ấn Độ	580,10	18,43	31,40	3.540,70	3,05	0,83	0,74
Qatar	537,46	5,48	-30,20	4.169,90	-23,20	0,98	1,17
Kuwait	521,82	-28,78	-15,15	4.547,24	-16,33	1,07	1,17

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

Đứng đầu trong số các nguồn cung hàng hóa cho thị trường Nhật Bản trong 7 tháng đầu năm 2024 là thị trường Trung Quốc với trị giá nhập khẩu trong tháng 7/2024 đạt 14,53 tỷ USD, tăng 16,87% so với tháng trước và tăng 8,02% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 7 tháng đầu năm, Nhật Bản đã nhập từ Trung Quốc tổng 93,58 tỷ USD, giảm 7,41% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 22,02% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Nhật Bản từ thế giới, cải thiện hơn so với mức 21,69% của cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 4: Top 10 nguồn cung lớn nhất của Nhật Bản trong 7 tháng năm 2024

(ĐVT: %)



Nguồn: ITC

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

Trong 8 tháng đầu năm 2024, tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản ghi nhận sự tăng trưởng tích cực. Các mặt hàng chủ lực như dệt may, máy móc, linh kiện điện tử tiếp tục dẫn đầu về giá trị xuất khẩu. Bên cạnh đó, nông sản như gạo, cà phê cũng được ưa chuộng, nhờ chất lượng cao và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường Nhật Bản.

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam và Nhật Bản đạt 4,08 tỷ USD vào tháng 8/2024, tăng 15,44% so với tháng 8/2023. Lũy kế 8 tháng đầu năm, kim ngạch thương mại song

phương đạt 30,35 tỷ USD, tăng 3,88% so với cùng tháng năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt 16,02 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2024, tăng 4,83% so với cùng kỳ năm trước, nhập khẩu đạt 14,33 tỷ USD, tăng 2,83% so với cùng kỳ năm 2023. Như vậy, trong 8 tháng đầu năm, Việt Nam đã xuất siêu sang Nhật Bản tổng 1,69 triệu USD.

Bảng 2: Tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản so với toàn khối CPTPP

(ĐVT: Triệu USD/%)

Tên thị trường	Tháng 8/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 7/2024 (%)	So với Tháng 8/2023 (%)	8 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2023 (%)	Thị phần (%)
Toàn khối CPTPP	5.105,13	-0,16	6,68	36.920,27	11,64	100
Nhật Bản	2.275,51	-1,65	4,09	16.016,91	4,83	43,38
Australia	642,28	4,6	5,23	4.400,68	27,31	11,92
Canada	529,05	-9,3	8,5	4.165,74	11,76	11,28
Mexico	496,86	-6,68	24,87	3.665,45	23,8	9,93
Malaysia	434,72	1,14	-9,26	3.480,80	4,27	9,43
Singapore	487,78	5,61	24,35	3.463,70	26,39	9,38
Chile	123,18	68,02	7,15	872,99	11,1	2,36
New Zealand	66,38	-0,59	-11,19	463,00	3,22	1,25
Pê Ru	48,47	31,33	17,72	303,24	-5,08	0,82
Brunây	0,89	-11,08	-39,54	87,75	568,08	0,24

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

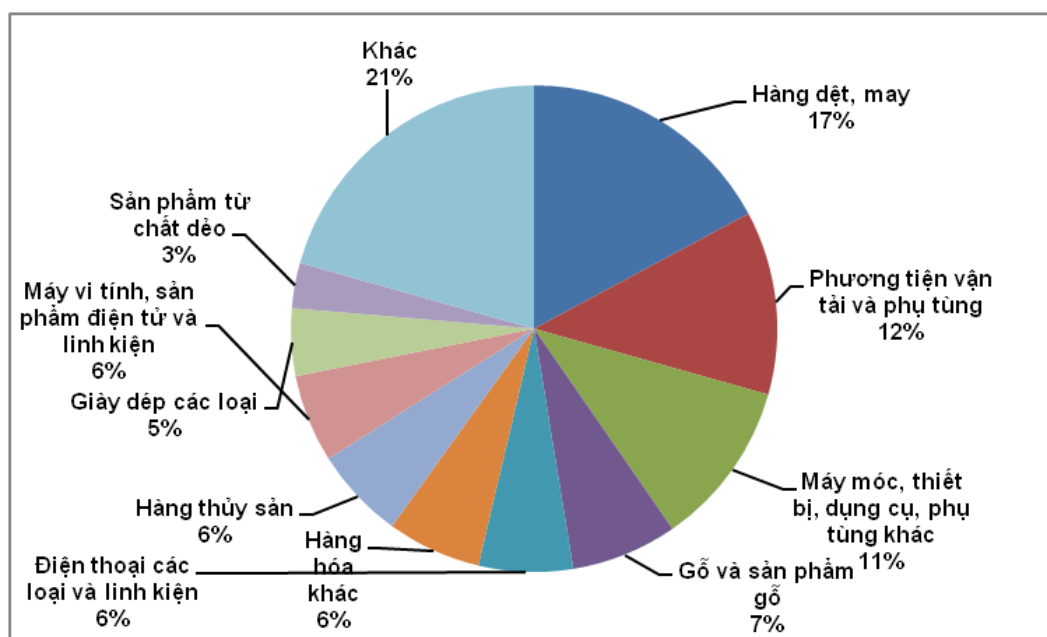
Về xuất khẩu

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Nhật Bản trong tháng 8/2024 đạt 2,28 tỷ USD, giảm 1,65% so với tháng trước nhưng tăng 4,09% so với cùng tháng năm trước. Tính chung trong 8 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Nhật Bản đạt 16,02 tỷ USD, tăng 4,83% so với 8 tháng năm 2023, chiếm tỷ trọng 43,38% và đứng thứ 1 trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang khối thị trường CPTPP; chiếm tỷ trọng 6,03% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra thế giới.

Dẫn đầu về các mặt hàng xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản là mặt hàng dệt may, với kim ngạch xuất khẩu trong tháng 8/2024 là 453,03 triệu USD, tăng 7,34% so với tháng trước và tăng 9,28% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 8 tháng đầu năm, Việt Nam đã xuất khẩu tổng 2,75 triệu USD mặt hàng dệt may sang Nhật Bản, tăng 6,68% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 17,17% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Nhật Bản.

Biểu đồ 5: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2024

(% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bên cạnh đó, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng cao trong 8 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 là mặt hàng phân bón các loại (350,12%); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (36,55%); hạt tiêu (35,42%); cao su (30,99%).....

Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2024

(ĐVT: USD/%)

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 8/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 7/2024 (%)	So với Tháng 8/2023 (%)	8 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2024 (%)
Tổng	2.275,51	-1,65	4,09	16.016,91	4,83	100
Hàng dệt, may	453,03	7,34	9,28	2.749,82	6,68	17,17
Phương tiện vận tải và phụ tùng	277,80	7,9	-0,57	1.953,01	3,23	12,19
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng	250,67	12,1	5,53	1.762,48	-0,87	11,00

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 8/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 7/2024 (%)	So với Tháng 8/2023 (%)	8 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2024 (%)
khác						
Gỗ và sản phẩm gỗ	168,34	2,95	0,64	1.130,86	1,46	7,06
Điện thoại các loại và linh kiện	108,59	-45,25	51,62	1.003,43	27,19	6,26
Hàng hóa khác	139,46	7,54	4,51	998,95	5,87	6,24
Hàng thủy sản	137,99	1,68	2,13	977,78	0,4	6,10
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	111,96	-25,85	22,34	935,35	36,55	5,84
Giày dép các loại	106,59	10,55	17,98	717,75	-1,23	4,48
Sản phẩm từ chất dẻo	63,48	3,34	-1,65	481,44	4,86	3,01
Sản phẩm từ sắt thép	55,96	7,44	5,75	405,26	2,66	2,53
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	53,01	7,24	-36,51	376,47	-11,3	2,35
Cà phê	40,23	38,41	41,09	310,03	41,12	1,94
Hóa chất	36,16	12,86	11,93	250,51	-3,63	1,56
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	27,91	-22,33	4,87	233,57	-3,29	1,46
Kim loại thường khác và sản phẩm	29,70	0	8,47	226,85	0,05	1,42
Dây điện và dây cáp điện	32,98	14,51	-5,85	218,69	-20,38	1,37
Hàng rau quả	18,00	-3,3	3,87	135,49	10,3	0,85
Sản phẩm từ cao su	14,64	14,3	-8,24	109,74	-6,8	0,69
Chất dẻo nguyên liệu	16,45	13,08	54,84	104,94	25,64	0,66
Sản phẩm hóa chất		8,21	2,51		5,13	0,56

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 8/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 7/2024 (%)	So với Tháng 8/2023 (%)	8 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2024 (%)
	12,15			88,91		
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	11,88	16,98	-10,64	87,00	-16,68	0,54
Dầu thô	-	-100	-100	83,96	-48,87	0,52
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	12,63	19,02	25,87	80,22	18,6	0,50
Sắt thép các loại	6,92	-57,96	25,11	70,60	18,29	0,44
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	10,32	26,33	32,83	65,64	28,15	0,41
Xơ, sợi dệt các loại	9,12	13,41	2,52	63,77	-4,55	0,40
Sản phẩm gốm, sứ	7,42	5,16	-1,97	59,31	-7,2	0,37
Giấy và các sản phẩm từ giấy	7,16	11,53	18,27	48,22	3,45	0,30
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	6,74	29,68	37,97	45,40	-0,17	0,28
Hạt điều	5,44	-9,43	1,42	39,82	-0,27	0,25
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	7,91	75,11	-20,16	39,04	-7,22	0,24
Vải màn, vải kỹ thuật khác	6,05	21,53	89,36	37,26	27,03	0,23
Than các loại	13,26	16625,95	56,73	29,93	-29,12	0,19
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	4,84	1,46	130,53	29,83	73,3	0,19
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	2,05	-20,24	-1,47	18,32	16,9	0,11
Quặng và khoáng sản khác	4,57	436,98	620,3	15,40	18,1	0,10
Cao su	1,99	-10,22	56,01	11,77	30,99	0,07
Hạt tiêu		-8,94	67,76		35,42	0,07

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 8/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 7/2024 (%)	So với Tháng 8/2023 (%)	8 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2024 (%)
	1,41			10,82		
Phân bón các loại	0,62	4,3	117,73	8,86	350,12	0,06
Sắn và các sản phẩm từ sắn	0,06	38,33		0,40	-67,58	0,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu

Theo thống kê của Tổng cục Hải Quan Việt Nam, tháng 8/2023, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Nhật Bản đạt 1,81 tỷ USD, giảm 4,22% so với tháng trước và giảm 12,35% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Nhật Bản đạt 14,33 tỷ USD, tăng 2,83% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, cơ cấu mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Nhật Bản chủ yếu tập trung vào nhóm sản phẩm máy vi tính, điện tử và linh kiện. Theo thống kê, trị giá nhập khẩu của nhóm hàng này trong tháng 8 đạt 548,85 triệu USD, sụt giảm 15,89% so với tháng trước và giảm 36,73% so với cùng tháng năm 2023. Tuy nhiên, khi nhìn nhận trong bối cảnh tổng thể của 8 tháng đầu năm, Việt Nam đã nhập khẩu tổng 4,82 tỷ USD cho nhóm hàng này, tăng 6,54% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tới 33,63% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Nhật Bản.

Bảng 4: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Nhật Bản trong tháng 8 tháng đầu năm 2024

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 8/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 7/2024 (%)	So với Tháng 8/2023 (%)	8 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2024 (%)
Tổng	1.805,16	-4,22	-12,35	14.329,14	2,83	100
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	548,85	-15,89	-36,73	4.819,26	6,54	33,63
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	328,04	6,48	-1,51	2.540,48	-4,08	17,73
Sắt thép các loại	164,77	20,33	34	955,44	-2,73	6,67
Hàng hóa khác	116,69	-7,34	18,03	878,08	16,02	6,13
Phế liệu sắt thép	80,88	2,57	50,91	650,78	55,23	4,54
Sản phẩm từ chất dẻo	71,56	-0,74	2,04	504,81	-0,43	3,52
Vải các loại	51,47	-9,93	-2,74	429,58	-5,08	3,00
Sản phẩm hóa chất	52,14	-1,91	4,2	406,72	14,04	2,84
Linh kiện, phụ tùng ô tô	45,28	-13,74	1,66	347,88	-11,35	2,43
Hóa chất	36,80	-5,17	-6,09	339,52	-5,26	2,37
Chất dẻo nguyên liệu	46,79	15,6	25,86	322,95	1,32	2,25
Kim loại thường khác	29,07	-19,89	-23,98	285,04	-9,24	1,99
Sản phẩm từ sắt thép	31,76	-4,72	-7,46	258,49	-9,16	1,80
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	24,24	0,29	19,22	182,23	9,97	1,27
Giấy các loại	20,26	-16,69	43,4	164,22	25,86	1,15
Hàng thủy sản	23,44	29,55	52,88	124,99	9,59	0,87
Cao su	15,10	4,83	8,54	111,04	9,5	0,77

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 8/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 7/2024 (%)	So với Tháng 8/2023 (%)	8 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2024 (%)
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	11,33	-1,79	-57,59	108,44	-4,06	0,76
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	8,94	-8,01	-54,58	102,38	-4,38	0,71
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	3,69	20,46	37,82	101,00	10,86	0,70
Ô tô nguyên chiếc các loại	16,00	0,3	-18	99,90	-28,69	0,70
Sản phẩm từ cao su	10,86	-9,69	-2,26	88,57	0,36	0,62
Dây điện và dây cáp điện	10,87	-3,64	3,26	86,11	-3,92	0,60
Sản phẩm từ kim loại thường khác	9,84	-4,98	3,67	71,69	-8,25	0,50
Xơ, sợi dệt các loại	4,79	-10,93	6,47	38,43	20,4	0,27
Dược phẩm	4,73	3	-0,97	37,77	-2,86	0,26
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4,84	11,39	-5,43	37,01	6,95	0,26
Sữa và sản phẩm sữa	5,53	302,01	-6,79	35,79	-1,05	0,25
Chế phẩm thực phẩm khác	4,47	-9,19	33,31	34,92	19,26	0,24
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	4,72	-6	-5,23	34,35	-0,25	0,24
Sản phẩm từ giấy	3,75	-5,17	4,35	29,06	-3,76	0,20
Phân bón các loại	3,81	9,04	14,84	24,85	16,41	0,17
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	2,72	-5,06	-21,25	22,63	7,57	0,16
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	2,15	-7,39	0,94	19,29	7,88	0,13
Hàng điện gia dụng và linh kiện	2,17	-15,81	-1,23	18,47	34,59	0,13

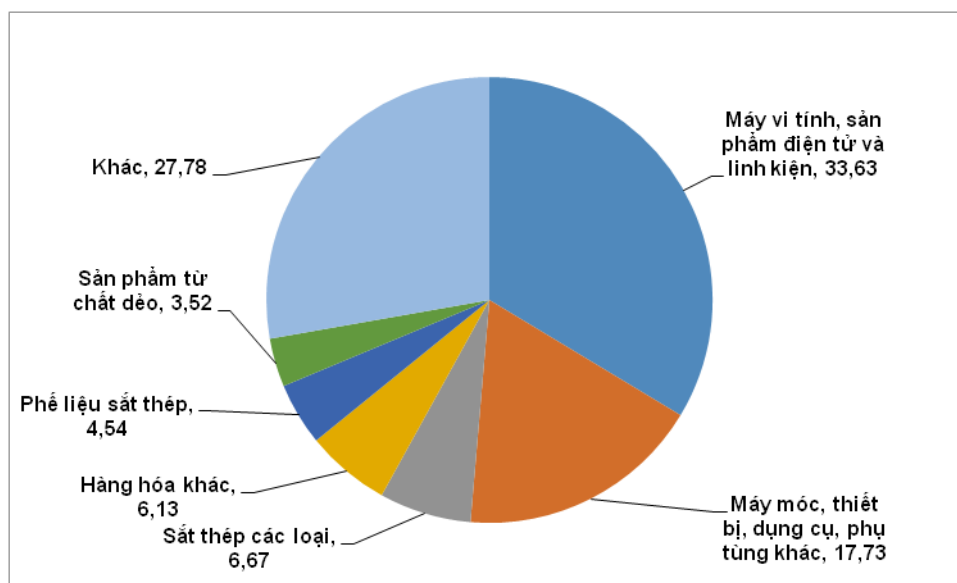
Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 8/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 7/2024 (%)	So với Tháng 8/2023 (%)	8 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2024 (%)
Quặng và khoáng sản khác	0,55	-10,77	79,92	5,29	-13,75	0,04
Than các loại	1,48	0,01	-84,02	3,77	-92,53	0,03
Gỗ và sản phẩm gỗ	0,32	-5,15	-20,58	2,90	-31,13	0,02
Điện thoại các loại và linh kiện	0,12	-62,9	7,84	2,89	181,02	0,02
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	0,21	31,02	162,92	1,85	28,41	0,01
Nguyên phụ liệu thuốc lá	0,13		26,88	0,27	153,76	0,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Mặt hàng xếp ở vị trí thứ hai trong kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2024 là máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác, với tổng trị giá đạt 2,54 tỷ USD. Mặc dù con số này cho thấy sự giảm nhẹ 4,08% so với cùng kỳ năm 2023, nhóm hàng này vẫn chiếm tới 17,73% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản.

Biểu đồ 6: Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ Nhật Bản trong 8 tháng năm 2024

(% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về cán cân thương mại

Tính riêng tháng 8/2024, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Nhật Bản đạt 4,08 tỷ USD, tăng 15,44% so với tháng 8/2023. Trong tháng 8/2024, Việt Nam xuất siêu sang Nhật Bản 470,36 triệu USD.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Nhật Bản đạt 30,35 tỷ USD, tăng 3,88% so với cùng kỳ năm 2023. Việt Nam xuất siêu sang Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2024, đạt 1,69 tỷ USD.

Bảng 5: Cán cân thương mại của Việt Nam – Nhật Bản trong tháng 08 tháng đầu năm 2024 (ĐVT: Triệu USD/%)

	T8/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 8/2023 (%)	8 tháng 2024 (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2023 (%)	8 tháng 2023 (%)
Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản	2.275,51	26,06	16.016,91	4,83	15.279,60

	T8/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 8/2023 (%)	8 tháng 2024 (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2023 (%)	8 tháng 2023 (%)
Việt Nam nhập khẩu từ Nhật Bản	1.805,16	6,14	14.329,14	2,83	13.934,29
Thương mại hai chiều	4.080,67	15,44	30.346,04	3,88	29.213,90
Cán cân thương mại	470,36		1.687,77		

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2024, tình hình thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Cụ thể, kim ngạch thương mại hai chiều trong tháng 8/2024 đạt 4,08 tỷ USD, tăng 15,44% so với tháng 8/2023. Đây là một dấu hiệu rõ ràng cho thấy sự phục hồi và mở rộng của mối quan hệ thương mại giữa hai nước, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang dần ổn định trở lại. Trong tháng này, Việt Nam xuất siêu sang Nhật Bản 470,36 triệu USD.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Nhật Bản đạt 30,35 tỷ USD, tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam tiếp tục duy trì tình trạng xuất siêu, với giá trị xuất siêu lên đến 1,69 tỷ USD, phản ánh sự cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường Nhật Bản. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu vẫn là điện thoại, linh kiện điện tử, hàng dệt may và thủy sản, trong khi Nhật Bản cung cấp cho Việt Nam các sản phẩm công nghệ và máy móc thiết bị.

Đánh giá triển vọng

Triển vọng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đang được đánh giá rất tích cực, nhờ vào mối quan hệ hợp tác kinh tế ngày càng chặt chẽ

giữa hai quốc gia. Nhật Bản là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, với kim ngạch xuất khẩu hàng hóa không ngừng gia tăng trong những năm qua. Sự quan tâm của Nhật Bản đối với hàng hóa Việt Nam phần nào được thúc đẩy bởi nhu cầu tiêu thụ tăng cao, cũng như xu hướng đa dạng hóa nguồn cung ứng của các doanh nghiệp Nhật trong bối cảnh toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu.

Một trong những lĩnh vực có tiềm năng lớn là nông sản. Việt Nam, với lợi thế về khí hậu và đất đai, có thể cung cấp một loạt các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao như gạo, thủy sản, trái cây và cà phê. Đặc biệt, gạo và hải sản Việt Nam đã dần chinh phục được thị trường Nhật Bản nhờ vào chất lượng và hương vị đặc trưng. Hơn nữa, nhu cầu tiêu thụ thực phẩm sạch và an toàn tại Nhật Bản ngày càng cao, mở ra cơ hội lớn cho các sản phẩm nông sản hữu cơ từ Việt Nam.

Ngoài nông sản, ngành dệt may cũng đang có những tín hiệu khả quan. Nhật Bản là một trong những thị trường tiêu thụ hàng dệt may lớn, và Việt Nam với lợi thế về nguồn lao động dồi dào, giá thành cạnh tranh và khả năng đáp ứng nhanh chóng các đơn hàng, đã trở thành một trong những nguồn cung cấp chính cho thị trường này.

Bên cạnh đó, ngành công nghệ thông tin và điện tử cũng đang nổi lên như một lĩnh vực đầy triển vọng. Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, Nhật Bản đang tìm kiếm các đối tác cung cấp phần mềm, giải pháp công nghệ và linh kiện điện tử chất lượng cao. Việt Nam, với lực lượng lao động trẻ và năng động, đang dần khẳng định được vị thế trong lĩnh vực này.

uy nhiên, để tận dụng tối đa cơ hội xuất khẩu sang Nhật Bản, Việt Nam cần chú trọng đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo các tiêu chuẩn khắt khe về an toàn thực phẩm và môi trường mà thị trường Nhật đặt ra. Đồng thời, việc đầu tư vào công nghệ và quy trình sản xuất hiện đại sẽ giúp gia tăng giá trị gia tăng cho hàng hóa xuất khẩu.

Triển vọng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản là rất khả quan, mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước. Nếu biết nắm bắt và phát huy những lợi thế sẵn có, Việt Nam hoàn toàn có thể củng cố vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu và mang lại lợi ích kinh tế bền vững.

Dự báo, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong những tháng còn lại của năm 2024 và đầu năm 2025 sẽ tiếp tục có những dấu hiệu tích cực, nhờ vào sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Nhật Bản, cũng như nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng đối với các sản phẩm nhập khẩu. Nhật Bản, với vị thế là một trong những thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam, đang dần mở rộng cửa đối với nhiều mặt hàng, từ nông sản, dệt may, đến điện tử và công nghệ thông tin.

Một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy xuất khẩu trong những tháng còn lại của năm sang thị trường Nhật Bản sự gia tăng nhu cầu đối với nông sản chất lượng cao, đặc biệt trong giai đoạn mùa lễ hội cuối năm. Nhật Bản đang ngày càng chú trọng đến thực phẩm an toàn và hữu cơ, điều này mở ra cơ hội cho các sản phẩm như trái cây nhiệt đới, hải sản và gạo Việt Nam. Những nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và xây dựng thương hiệu sẽ giúp Việt Nam chinh phục được thị trường này.

